

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 05/6/2020

*V/v: “Kiện tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Thanh Hà.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Mỹ. Chức vụ: Hiệu trưởng trường dân tộc nội trú.

2. Bà Trịnh Thị Oanh. Chức vụ: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thụ lý số 113/2019/TLST-DS ngày 27/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS, ngày 07/5/2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2020/QĐHPT-ST ngày 25/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công B. Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà 224, Khối 2B, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Công B: Ông Phạm Hải D. Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khối 2B, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Tiến H; sinh năm 1958; bà Lại Thị S, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã V, huyện P, Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2019 của nguyên đơn ông Nguyễn Công B và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Hải D trình bày: Trong quá trình làm ăn mua bán thức ăn gia súc nên ông Nguyễn Công B có quen biết với vợ chồng ông Lê Tiến H và bà Lại Thị S ở tại Thôn 6, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Từ năm 2017 đến năm 2018 ông B đã nhiều lần bán nợ thức ăn gia súc nhiều loại khác nhau cho ông H, bà S để phục vụ việc chăn nuôi lợn của gia đình. Phương thức bán nợ thức ăn gia súc kể từ khi thả con giống đến khi xuất bán lợn sẽ thanh toán đủ số tiền nợ thức ăn gia súc (Thông thường từ 03 đến 06 tháng kể từ ngày thả con giống). Mỗi lần mua bán ông B đều ghi cụ thể vào sổ và bà S trực tiếp ký nhận.

Lịch sử mua bán cụ thể như sau:

Ngày 18/10/2017 khi hai bên đối chiếu công nợ thì ông H, bà S còn nợ lại ông B 40.755.000đ, trả được 30.000.000đ, ông H, bà S ký xác nhận nợ 10.755.000đ.

Sau đó tiếp tục mua nợ thức ăn gia súc cụ thể:

Ngày 30/10/2017	nợ 02 bao thức ăn gia súc thành tiền	1.160.000đ
Ngày 07/11/2017	nợ 01 bao thức ăn gia súc thành tiền	260.000đ
Ngày 14/11/2017	nợ 01 bao thức ăn gia súc thành tiền	260.000đ
Ngày 21/11/2017	nợ 01 bao thức ăn gia súc thành tiền	530.000đ
Ngày 26/11/2017	nợ 02 bao thức ăn gia súc thành tiền	660.000đ
Ngày 28/11/2017	nợ 02 bao thức ăn gia súc thành tiền	550.000đ
Ngày 30/11/2017	nợ 03 bao thức ăn gia súc thành tiền	1.280.000đ
Ngày 05/12/2017	nợ 01 bao thức ăn gia súc thành tiền	280.000
Ngày 07/12/2017	nợ 04 bao thức ăn gia súc thành tiền	1.310.000đ
Ngày 12/12/2017	nợ 05 bao thức ăn gia súc thành tiền	1.380.000đ
Ngày 18/12/2017	nợ 05 bao thức ăn gia súc thành tiền	1.240.000đ
Ngày 21/12/2017	nợ 06 bao thức ăn gia súc thành tiền	1.680.000đ
Ngày 29/12/2017	nợ 06 bao thức ăn gia súc thành tiền	1.670.000đ
Ngày 02/01/2018	nợ 11 bao thức ăn gia súc thành tiền	3.330.000đ
Ngày 10/01/2018	nợ 02 bao thức ăn gia súc thành tiền	550.000đ
Ngày 13/01/2018	nợ 22 bao thức ăn gia súc thành tiền	6.710.000đ
Ngày 14/01/2018	nợ 01 bao thức ăn gia súc thành tiền	280.000đ
Ngày 19/01/2018	nợ 01 bao thức ăn gia súc thành tiền	380.000đ
Ngày 26/01/2018	nợ 03 bao thức ăn gia súc thành tiền	940.000đ

Ngày 27/01/2018 nợ 05 bao thức ăn gia súc thành tiền	1.400.000đ
Ngày 30/01/2018 nợ 16 bao thức ăn gia súc thành tiền	4.580.000đ
Ngày 30/01/2018 nợ 02 bao thức ăn gia súc thành tiền	860.000đ
Ngày 07/02/2018 nợ 05 bao thức ăn gia súc thành tiền	1.400.000đ
Ngày 09/02/2018 nợ 20 bao thức ăn gia súc thành tiền	5.600.000đ

Hai bên đối chiếu công nợ và thống nhất số nợ là 38.290.000đ + 10.750.000đ (nợ cũ đối chiếu vào ngày 18/10/2017) = 49.040.000đ, ông H, bà S trả được 7.800.000đ, thống nhất còn nợ lại là 41.240.000đ (Bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn). Rồi tiếp tục mua nợ như sau;

Ngày 25/02/2018 nợ 10 bao thức ăn gia súc thành tiền	2.800.000đ
Ngày 08/03/2018 nợ 10 bao thức ăn gia súc thành tiền	2.800.000đ
Ngày 26/03/2018 nợ 20 bao thức ăn gia súc thành tiền	5.600.000đ
Ngày 11/04/2018 nợ 15 kg bao thức ăn gia súc thành tiền	370.000đ
Ngày 13/04/2018 nợ 01 bao thức ăn gia súc thành tiền	385.000đ

Hai bên tiếp tục đối chiếu công nợ thì ông H, bà S còn nợ lại ông B là 11.960.000đ + 41.240.000đ (số nợ đối chiếu ngày 09/02/2018) = 53.195.000đ và ông H, bà S trả 10.000.000đ, ông H, bà S còn nợ lại ông B 43.195.000đ. (Bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Khi đối chiếu công nợ hai bên thỏa thuận miệng là ông H, bà S sẽ thanh toán hết số nợ nói trên chậm nhất vào ngày 30/12/2018. Quá hạn kể trên ông B đã nhiều lần trực tiếp vào nhà ông H, bà S để đòi nợ nhưng ông H, bà S chỉ trả thêm cho B 245.000đ nói hiện nay chỉ còn chừng đó, rồi không trả thêm khoản nợ nào khác.

Vì vậy ông Nguyễn Công B đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc vợ chồng ông Lê Tiến H, bà Lại Thị S phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Công B số nợ gốc là 42.950.000đ và không yêu cầu tính tiền nợ lãi chậm trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án chỉ tiến hành lấy được lời khai của bà Lại Thị S và bà Lại Thị S thừa nhận “Lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Công B về việc mua bán thức ăn gia súc là có thật và thừa nhận chữ ký trong lịch sử mua bán do ông B cung cấp cho Tòa án là chữ ký của bà. Nhưng bà và ông H đã nhiều lần trả tiền cho ông B nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã trả được bao nhiêu và hiện nay còn nợ lại ông B cụ thể là bao nhiêu tiền”.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân huyện Krông Pắc đã triệu tập hợp lệ để các đương sự tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Lại Thị S, ông Lê Tiến H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông H cũng như không tiến hành

phiên đổi chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85, và Điều 86, của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn bà Lại Thị S và ông Lê Tiến H đã vi phạm tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 430; Điều 440 và Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công B buộc đồng bị đơn bà Lại Thị S, ông Lê Tiến H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Công B số tiền 42.950.000đ. Về tiền lãi suất chậm trả ông Nguyễn Công B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Công B, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Lại Thị S, ông Lê Tiến H cư trú tại thôn 6, xã V, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn bà Lại Thị S, ông Lê Tiến H vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Lại Thị S, ông Lê Tiến H. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lại Thị S, ông Lê Tiến H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Từ năm 2017 đến năm 2018, ông Nguyễn Công B đã nhiều lần bán nợ thức ăn gia súc cho vợ chồng ông Lê Tiến H và bà Lại Thị S. Ngày 13/4/2018 khi hai bên đối chiếu công nợ thì ông H, bà S nợ lại ông B số tiền 43.195.000đ, sau đó trả được

245.000đ, còn nợ lại 42.950.000đ là có thật, được chứng minh qua lời khai của ông B và bà Lại Thị S thừa nhận là có việc mua bán thức ăn gia súc như ông B đã trình bày và chữ ký trong các lần mua bán và đối chiếu công nợ là chữ ký của bà S. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bà S, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua quy định khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”*.

Xét yêu cầu của ông B đề nghị Tòa án tuyên buộc ông H, bà S liên đới hoàn trả cho ông Bách số tiền 42.950.000đ HĐXX nhận định: mặc dù trong các lần mua bán đều thể hiện một mình bà S ký kết với ông Bách. Tuy nhiên xét mối quan hệ giữa bà S và ông H là vợ chồng, việc bà S mua bán thức ăn gia súc với ông B, ông H đều biết và đồng ý cho bà S giao dịch mua bán ông B. Do vậy HĐXX căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông H, bà S liên đới hoàn trả cho ông B số tiền 42.950.000đ là đúng theo quy định của pháp luật. Về lãi suất chậm trả ông Nguyễn Công B không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Xét lời khai của bị đơn bà Lại Thị S cho rằng bà và ông H đã trả tiền cho ông B nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể mỗi lần trả tiền và số tiền trả là bao nhiêu nhưng bà S không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Vì vậy HĐXX không có căn cứ để chấp nhận lời khai của bà S.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc ông Lê Tiến H và bà Lại Thị S phải chịu 2.147.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Theo mức tính: 42.950.000đ x 5% = 2.147.500 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Công B số tiền 1.073.750 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào 430; 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công B.

Buộc ông Lê Tiến H, bà Lại Thị S có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Công B số tiền nợ gốc là 42.950.000đ đồng (Bốn mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Công B không yêu cầu ông H, bà S trả tiền lãi suất chậm trả nên không đề cập giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Buộc ông Lê Tiến H, bà Lại Thị S phải chịu 2.147.500 đồng (Hai triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Công B được nhận lại 1.073.750 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Ông Phạm Hải D nộp thay ông B) theo biên lai thu số AA/2019/0000265, ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục Thi hành án huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;

(Đã ký)

Võ Thanh Hà

- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.